

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quẫn Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Dũng
Bà Nguyễn Thị Hiên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Vũ Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 368/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Hoàng Minh Th; sinh năm 1964

Hiện trú tại: Số 361 C7 ngõ 120 T M, phường T M, quận H M, thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

Ông Bùi Văn Th 1, sinh năm 1962

Hiện trú tại: Số 361 C7 ngõ 120 T M, phường T M, quận H M, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Bà Th có mặt, ông Th 1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/4/2019 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Hoàng Minh Th trình bày: Bà Hoàng Minh Th và ông Bùi Văn Th 1 chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bạch Đằng ngày 06 tháng 8 năm 1991. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống tại nhà bố mẹ ông Th 1 số 39 Đồng Nhân A, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đến năm 2014 vợ chồng ông bà chuyển về sinh sống tại địa chỉ 361 C7 ngõ 120 T M, phường T M, quận H M, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng ông bà bắt đầu từ năm 2013. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà làm ăn thua lỗ, dẫn đến bất đồng quan điểm, vợ chồng xảy ra xô xát nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ năm 2018 do ông Th 1 có quan hệ ngoại tình. Ông Th 1 thường xuyên chửi bới, xúc phạm danh dự bà. Gia đình hai bên, tổ dân phố, chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng ông bà không thể hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay, ông bà đã sống ly thân.

Nay bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn ông Bùi Văn Th 1.

Về con chung: Ông bà có bốn con chung là cháu Bùi Thu Th 2, sinh ngày 21/5/1991; cháu Bùi Anh Th 3, sinh ngày 13/9/1994; cháu Bùi Hoàng Thủy T, sinh ngày 25/12/1999; cháu Bùi Mạnh Th 4, sinh ngày 05/6/2004. Ba cháu Bùi Thu Th 2, sinh ngày 21/5/1991; cháu Bùi Anh Th 3, sinh ngày 13/9/1994; cháu Bùi Hoàng Thủy T, sinh ngày 25/12/1999 đã trưởng thành, việc ở với ai do các cháu tự quyết định. Bà Hoàng Minh Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Mạnh Th 4 và không yêu cầu ông Bùi Văn Th 1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà đất chung: ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th xác định vợ chồng ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 16/5/2019 và các lời khai tại Tòa án bị đơn ông Bùi Văn Th 1 trình bày: Ông và bà Hoàng Minh Th có thời gian tìm hiểu, chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bạch Đằng ngày 06 tháng 8 năm 1991. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc và chỉ mới phát sinh mâu thuẫn khoảng 3 tháng nay do bà Th có nghi ngờ ông có quan hệ ngoại tình. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã được tổ dân phố hòa giải nhưng hai bên không thống nhất được vấn đề. Nay bà Th có đơn xin ly hôn, ông thấy rằng tình cảm gia đình là trên hết nên vẫn có nguyện vọng, mong muốn được đoàn tụ.

Nhưng trường hợp bà Th cương quyết xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà Th.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung là cháu Bùi Thu Th 2, sinh ngày 21/5/1991; cháu Bùi Anh Th 3, sinh ngày 13/9/1994; cháu Bùi Hoàng Thủy T, sinh ngày 25/12/1999; cháu Bùi Mạnh Th 4, sinh ngày 05/6/2004. Ba cháu Bùi Thu Th 2, sinh ngày 21/5/1991; cháu Bùi Anh Th 3, sinh ngày 13/9/1994; cháu Bùi Hoàng Thủy T, sinh ngày 25/12/1999 đã trưởng thành, việc ở với ai do các cháu tự quyết định. Nếu ly hôn, ông đồng ý để bà Thu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Mạnh Th 4 (nam) sinh ngày 05/6/2004.

Việc cấp dưỡng nuôi con do ông và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Th 1 xác định vợ chồng ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì không có thời gian đến Tòa án để tham gia các buổi tố tụng theo quy định của pháp luật nên ông Th 1 có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Hoàng Minh Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Bùi Văn Th 1. Về con chung: Bà Hoàng Minh Th xác nhận ông bà có bốn con chung là cháu Bùi Thu Th 2, sinh ngày 21/5/1991; cháu Bùi Anh Th 3, sinh ngày 13/9/1994; cháu Bùi Hoàng Thủy T, sinh ngày 25/12/1999; cháu Bùi Mạnh Th 4, sinh ngày 05/6/2004. Ba cháu Bùi Thu Th 2, sinh ngày 21/5/1991; cháu Bùi Anh Th 3, sinh ngày 13/9/1994; cháu Bùi Hoàng Thủy T, sinh ngày 25/12/1999 đã trưởng thành, việc ở với ai do các cháu tự quyết định. Bà Hoàng Minh Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Mạnh Th 4 và không yêu cầu ông Bùi Văn Th 1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý, xác minh, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Hoàng Minh Th và ông Bùi Văn Th 1 đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Minh Th.

- Về con chung: Xác nhận ông Th 1, bà Th có bốn con chung là cháu Bùi Thu Th 2, sinh ngày 21/5/1991; cháu Bùi Anh Th 3, sinh ngày 13/9/1994; cháu Bùi Hoàng Thủy T, sinh ngày 25/12/1999; cháu Bùi Mạnh Th 4, sinh ngày 05/6/2004. Ba cháu Bùi Thu Th 2, sinh ngày 21/5/1991; cháu Bùi Anh Th 3, sinh ngày 13/9/1994; cháu Bùi Hoàng Thủy T, sinh ngày 25/12/1999 đã trưởng thành, việc ở với ai do các cháu tự quyết định.

Giao con chung là cháu Bùi Mạnh Th 4 cho bà Hoàng Minh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Hoàng Minh Th không yêu cầu ông Bùi Văn Th 1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nhà ở chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Hoàng Minh Th phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hoàng Minh Th nộp Đơn xin ly hôn đối với ông Bùi Văn Th 1 cư trú tại số 361 C7 ngõ 120 T M, phường T M, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa bà Th, ông Th 1 là đúng thẩm quyền theo loại việc, theo cấp Tòa án và theo lãnh thổ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Văn Th 1 có Đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Văn Th 1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Minh Th và ông Bùi Văn Th 1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/8/1991 tại Ủy ban nhân dân phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 07/1991. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống tại nhà bố mẹ ông Th số 39 Đồng Nhân A, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Đến năm 2014, bà Th ông Th 1 chuyển về sinh sống tại địa chỉ 361 C7 ngõ 120 T M, phường T M, quận H M, thành phố Hà Nội.

Theo bà Th trình bày quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ năm 2013. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà làm ăn thua lỗ dẫn đến bất đồng quan điểm, vợ chồng xảy ra xô xát nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ năm 2018 do ông Th 1 có quan hệ ngoại tình. Ông Th 1 thường xuyên chửi bới, xúc phạm danh dự bà. Gia đình hai bên, tổ dân phố, chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng ông bà không thể hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Ông bà hiện nay đã sống ly thân. Nay bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Th 1. Theo ông Th 1 trình bày vợ chồng ông bà mới chỉ mâu thuẫn 3 tháng nay, tổ dân phố đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vì tình cảm gia đình ông Th 1 không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp bà Th cương quyết ly hôn ông cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà Th.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi bà Th, ông Th 1 chung sống: Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Hoàng Minh Th và ông Bùi Văn Th 1 phát sinh từ năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Th 1 hay chửi bới, đánh bà Th. Mâu thuẫn của ông bà đã được tổ dân phố, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả, không thể hàn gắn.

Hội đồng xét xử xét thấy thực tế mâu thuẫn giữa bà Th, ông Th 1 đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân ông Th 1 có mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa ra được phương án, cách thức để cải thiện quan hệ vợ chồng. Tổ dân phố đã tổ chức hòa giải nhưng không có kết quả. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th, cho bà Th và ông Th 1 được ly hôn.

[3] Về con chung: Bà Th và ông Th 1 xác nhận vợ chồng ông bà có bốn con chung là cháu Bùi Thu Th 2, sinh ngày 21/5/1991; cháu Bùi Anh Th 3, sinh ngày 13/9/1994; cháu Bùi Hoàng Thủy T, sinh ngày 25/12/1999; cháu Bùi Mạnh Th 4, sinh ngày 05/6/2004. Ba cháu Bùi Thu Th 2, sinh ngày 21/5/1991; cháu Bùi Anh Th 3, sinh ngày 13/9/1994; cháu Bùi Hoàng Thủy T, sinh ngày 25/12/1999 đã trưởng thành việc ở với ai do các cháu tự quyết định. Bà Th có nguyện vọng để

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Mạnh Th 4 (nam) sinh ngày 05/6/2004 và không yêu cầu ông Th 1 đóng góp nuôi con.

Ông Th 1 thống nhất với nguyện vọng nuôi con của bà Hoàng Minh Th. Cháu Bùi Mạnh Th 4 có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tham khảo ý kiến của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Hoàng Mai được cho ý kiến như sau: Việc giao con chung cho ai nuôi cần đảm bảo sự ổn định về tâm lý, sức khỏe, học tập cho các cháu. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con, đề nghị Tòa án xem xét giao cháu Bùi Mạnh Th 4 cho bà Hoàng Minh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế hiện nay cháu Bùi Mạnh Th 4 đang sinh sống cùng bà Hoàng Minh Th. Do vậy, để tránh xáo trộn sinh hoạt của cháu và cũng phù hợp với nguyện vọng của bà Th, ông Th 1 và cháu Bùi Mạnh Th 4 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho bà Hoàng Minh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Mạnh Th 4. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con đối với ông Bùi Văn Th 1 cho đến khi bà Th có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, nhà đất chung: bà Th, ông Th 1 thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Về nợ chung: Bà Th, ông Th 1 thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Minh Th.

Bà Hoàng Minh Th và ông Bùi Văn Th 1 được ly hôn.

2. Về con chung: Bà Hoàng Minh Th và ông Bùi Văn Th 1 có bốn con chung là cháu Bùi Thu Th 2 (nữ), sinh ngày 21/5/1991; cháu Bùi Anh Th 3 (nữ), sinh ngày 13/9/1994; cháu Bùi Hoàng Thủy T (nữ), sinh ngày 25/12/1999; cháu Bùi Mạnh Th 4 (nam), sinh ngày 05/6/2004.

Các cháu Bùi Thu Th 2, sinh ngày 21/5/1991; cháu Bùi Anh Th 3, sinh ngày 13/9/1994; cháu Bùi Hoàng Thủy T, sinh ngày 25/12/1999 đã trưởng thành việc ở với ai do các cháu tự quyết định.

Giao cháu Bùi Mạnh Th 4 (nam), sinh ngày 05/6/2004 cho bà Hoàng Minh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Bùi Văn Th 1 cho đến khi bà Hoàng Minh Th có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ông Bùi Văn Th 1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung: Bà Hoàng Minh Th và ông Bùi Văn Th 1 thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về nợ chung: Bà Hoàng Minh Th và ông Bùi Văn Th 1 thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

5. Về án phí: Bà Hoàng Minh Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Thu đã nộp tại biên lai thu số 0004103 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Bà Hoàng Minh Th đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Hoàng Minh Th có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Văn Th 1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- UBND phường Bạch Đằng;
(CNKH số 114, quyển 07/91)
- Chi cục THA DS quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quản Thị Ngọc Anh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- UBND phường Bạch Đằng;
(CNKH số 114, quyển 07/91)
- Chi cục THA DS quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quản Thị Ngọc Anh